

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                      | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 2 - 3        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 4 - 5        |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 6 - 7        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 9            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 10 - 23      |

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Chủ tịch Công ty**

Ông Vũ Thanh Sơn

#### **Ban Giám Đốc**

Ông Vũ Thanh Sơn

Giám đốc

Ông Lê Minh Tân

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Giám đốc

#### **Kiểm soát viên**

Ông Nguyễn Văn Thanh

#### **Kế toán trưởng**

Ông Vũ Văn Lượng

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC-Chi nhánh Hà Nội.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Thanh Sơn

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Vĩnh Bảo, ngày 27 tháng 02 năm 2017



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

Số: 04/2017/AACHN-BCKT

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**

**Chủ tịch và Ban Giám đốc**

**Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/02/2017, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2016. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Công ty hiện đang theo dõi và hạch toán toàn bộ nguồn vốn Ngân sách cấp đầu tư tài sản cố định cho hoạt động công ích trên khoản mục “Vốn góp của chủ sở hữu” mà chưa phản ánh trên khoản mục “Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định”. Mặt khác, một số tài sản cố định được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới tiêu nước và máy bơm nước từ 8.000m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình chưa được Công ty phản ánh giá trị hao mòn hàng năm; đối với tài sản có sự tăng/giảm trong năm cũng chưa được Công ty theo dõi sự biến động của nguồn vốn tương ứng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng với tình hình thực tế của Công ty, chúng tôi không thu thập được các số liệu về tình hình biến động tăng/giảm của các khoản mục này. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Hà Minh Long**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2016-010-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017*

**Mai Bình Thanh**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

2068-2016-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2016

| TÀI SẢN                                 | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016<br>VND      | 01/01/2016<br>VND      |
|-----------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>              | <b>100</b> |             | <b>5.341.034.189</b>   | <b>4.736.096.552</b>   |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền   | 110        | 4           | 4.648.630.047          | 3.971.962.000          |
| 1. Tiền                                 | 111        |             | 4.648.630.047          | 3.971.962.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>130</b> |             | <b>534.376.527</b>     | <b>581.385.557</b>     |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng     | 131        | 5           | 648.465.667            | 674.652.562            |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác               | 136        | 7           | 10.679.777             | 31.501.912             |
| 7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn | 137        |             | (124.768.917)          | (124.768.917)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                 | <b>140</b> |             | <b>158.027.615</b>     | <b>182.748.995</b>     |
| 1. Hàng tồn kho                         | 141        | 8           | 158.027.615            | 182.748.995            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>               | <b>200</b> |             | <b>248.750.306.193</b> | <b>239.794.809.799</b> |
| <b>II. Tài sản cố định</b>              | <b>220</b> |             | <b>248.687.620.518</b> | <b>239.691.083.299</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình             | 221        | 9           | 248.687.620.518        | 239.691.083.299        |
| - Nguyên giá                            | 222        |             | 266.974.377.162        | 256.571.938.230        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                | 223        |             | (18.286.756.644)       | (16.880.854.931)       |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>         | <b>260</b> |             | <b>62.685.675</b>      | <b>103.726.500</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn               | 261        | 10          | 62.685.675             | 103.726.500            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>254.091.340.382</b> | <b>244.530.906.351</b> |

*Tại ngày 31/12/2016*

**Vũ Thanh Sơn**  
**Chủ tịch kiêm Giám đốc**  
*Vĩnh Bảo, ngày 27 tháng 02 năm 2016*

Thank

**Vũ Văn Lượng**  
**Kế toán trưởng**



**Tô Thanh Tùng**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

| Chỉ tiêu                                         | Mã | Thuyết<br>số minh | Năm 2016<br>VND | Năm 2015<br>VND |
|--------------------------------------------------|----|-------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 01 | 14                | 33.011.840.000  | 35.740.378.900  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02 |                   | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 10 |                   | 33.011.840.000  | 35.740.378.900  |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11 | 15                | 29.350.877.804  | 32.948.298.106  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 |                   | 3.660.962.196   | 2.792.080.794   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21 | 16                | 55.875.751      | 95.291.049      |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26 |                   | 3.646.977.127   | 2.792.508.404   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      | 30 |                   | 69.860.820      | 94.863.439      |
| 11. Thu nhập khác                                | 31 | 17                | 24.000.000      | 24.000.000      |
| 12. Chi phí khác                                 | 32 | 18                | 10.180.314      | 9.512.800       |
| 13. Lợi nhuận khác                               | 40 |                   | 13.819.686      | 14.487.200      |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | 50 |                   | 83.680.506      | 109.350.639     |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                  | 51 | 19                | 16.809.124      | 24.057.140      |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 60 |                   | 66.871.382      | 85.293.499      |



Vũ Thanh Sơn  
Chủ tịch kiêm Giám đốc  
Vĩnh Bảo, ngày 27 tháng 02 năm 2017

  
Vũ Văn Lượng  
Kế toán trưởng

  
Tô Thanh Tùng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

| Chỉ tiêu                                                       | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2016<br>VND        | Năm 2015<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                 |           |             |                        |                        |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác       | 1         |             | 33.086.855.645         | 35.609.134.510         |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ            | 2         |             | (17.008.106.636)       | (22.827.659.607)       |
| Tiền chi trả cho người lao động                                | 3         |             | (11.907.621.700)       | (10.796.728.200)       |
| Tiền lãi vay đã trả                                            | 4         |             | -                      | -                      |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp                              | 5         |             | (6.375.551)            | (12.000.000)           |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          | 6         |             | 5.597.120.610          | 7.573.526.031          |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                         | 7         |             | (5.039.135.140)        | (2.808.728.213)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>           | <b>20</b> |             | <b>4.722.737.228</b>   | <b>6.737.544.521</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                     |           |             |                        |                        |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21        |             | (4.101.944.932)        | (6.775.690.000)        |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                | 27        |             | 55.875.751             | 95.291.049             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>               | <b>30</b> |             | <b>(4.046.069.181)</b> | <b>(6.680.398.951)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                  |           |             |                        |                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                         | <b>50</b> |             | <b>676.668.047</b>     | <b>57.145.570</b>      |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                               | 60        | 4           | 3.971.962.000          | 3.914.816.430          |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |             | -                      | -                      |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                              | 70        | 4           | 4.648.630.047          | 3.971.962.000          |



Vũ Thanh Sơn  
Chủ tịch kiêm Giám đốc  
Vĩnh Bảo, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Vũ Văn Lượng  
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002766 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/11/2010.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 74.000.000.000 đồng.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

**3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| Loại tài sản           | Thời gian khấu hao (năm) |
|------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 40                  |
| Máy móc, thiết bị      | 6 - 10                   |
| Phương tiện vận tải    | 10                       |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.4 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số tài sản thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

**3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

**3.7 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực cấp về hàng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.8 GHI NHẬN GIÁ VỐN**

Giá vốn công trình sửa chữa, nạo vét kênh mương được xác định bằng doanh thu đã ghi nhận của công trình đã nghiệm thu trong năm. Việc ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp đang được Công ty ước tính mà chưa có tiêu thức xác định phù hợp.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

**3.9 THUẾ****Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.10 Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                    | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|--------------------|----------------------|----------------------|
|                    | VND                  | VND                  |
| Tiền mặt           | 65.139.713           | 180.415.443          |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.583.490.334        | 3.791.546.557        |
| <b>Cộng</b>        | <b>4.648.630.047</b> | <b>3.971.962.000</b> |

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

|                                         | 31/12/2016         | 01/01/2016         |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                         | VND                | VND                |
| <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b> | <b>648.465.667</b> | <b>674.652.562</b> |
| - Xã Trần Dương - Thủy lợi phí          | 89.797.917         | 89.797.917         |
| - Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng    | 521.403.750        | 547.590.645        |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác    | 37.264.000         | 37.264.000         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>648.465.667</b> | <b>674.652.562</b> |

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**NỢ XẤU**

- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi
- Hợp tác xã Nông nghiệp Xã Trần Dương
- Đáp đề rải cấp phối mặt đê hữu sông Thái Bình
- Đáp đề tá đông hóa đoạn K35,8
- Xây cống thông nước xã Cộng Hiền

**Cộng**

| Tại 31/12/2016     |                        | Tại 01/01/2016     |                        |
|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi |
| VND                | VND                    | VND                | VND                    |
| 124.768.917        | -                      | 124.768.917        | -                      |
| 89.797.917         | -                      | 89.797.917         | -                      |
| 25.571.000         | -                      | 25.571.000         | -                      |
| 7.000.000          | -                      | 7.000.000          | -                      |
| 2.400.000          | -                      | 2.400.000          | -                      |
| <b>124.768.917</b> | <b>-</b>               | <b>124.768.917</b> | <b>-</b>               |

**CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

**Ngắn hạn**

- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế

**Cộng**

| Tại 31/12/2016    |          | Tại 01/01/2016    |          |
|-------------------|----------|-------------------|----------|
| Giá trị           | Dự phòng | Giá trị           | Dự phòng |
| VND               | VND      | VND               | VND      |
| 10.679.777        | -        | 31.501.912        | -        |
| 10.679.777        | -        | 31.501.912        | -        |
| <b>10.679.777</b> | <b>-</b> | <b>31.501.912</b> | <b>-</b> |

**HÀNG TỒN KHO**

**Nguyên liệu, vật liệu**

**Cộng**

| Tại 31/12/2016     |          | Tại 01/01/2016     |          |
|--------------------|----------|--------------------|----------|
| Giá gốc            | Dự phòng | Giá gốc            | Dự phòng |
| VND                | VND      | VND                | VND      |
| 158.027.615        | -        | 182.748.995        | -        |
| <b>158.027.615</b> | <b>-</b> | <b>182.748.995</b> | <b>-</b> |

**TUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thông thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng            |
|-------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|-----------------|
|                               | VND                      | VND                 | VND                                   | VND                            | VND             |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                          |                     |                                       |                                |                 |
| 01/01/2016                    | 225.686.235.234          | 30.379.390.696      | 426.944.000                           | 79.368.300                     | 256.571.938.230 |
| - Mua trong năm               | -                        | 174.516.000         | -                                     | -                              | 174.516.000     |
| - Đầu tư XD CB hoàn thành (*) | 10.227.922.932           | -                   | -                                     | -                              | 10.227.922.932  |
| 31/12/2016                    | 235.914.158.166          | 30.553.906.696      | 426.944.000                           | 79.368.300                     | 266.974.377.162 |
| <b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>         |                          |                     |                                       |                                |                 |
| 01/01/2016                    | 12.700.117.663           | 3.722.087.708       | 383.669.800                           | 74.979.760                     | 16.880.854.931  |
| - Khấu hao trong năm          | 942.741.550              | 416.077.223         | 42.694.400                            | 4.388.540                      | 1.405.901.713   |
| 31/12/2016                    | 13.642.859.213           | 4.138.164.931       | 426.364.200                           | 79.368.300                     | 18.286.756.644  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                          |                     |                                       |                                |                 |
| 01/01/2016                    | 212.986.117.571          | 26.657.302.988      | 43.274.200                            | 4.388.540                      | 239.691.083.299 |
| 31/12/2016                    | 222.271.298.953          | 26.415.741.765      | 579.800                               | -                              | 248.687.620.518 |

(\*) Đối với các công trình sửa chữa nâng cấp trạm bơm từ Nguồn vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản và Nguồn Kinh phí sự nghiệp, Nguồn Thủy lợi phí của Sở Tài chính TP Hải Phòng, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định sẽ được ghi nhận tăng nguyên giá theo chi phí đã tập hợp và tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.309.437.050 đồng.

**CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO**

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                             | <b>31/12/2016</b> | <b>01/01/2016</b>  |
|-----------------------------|-------------------|--------------------|
|                             | <b>VND</b>        | <b>VND</b>         |
| Dài hạn                     | <b>62.685.675</b> | <b>103.726.500</b> |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 62.685.675        | 103.726.500        |
| Cộng                        | <b>62.685.675</b> | <b>103.726.500</b> |

101  
ÔN  
TH  
OÁN  
H  
T  
A  
A

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO  
trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*c thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                   | 01/01/2016        | Số phải nộp<br>trong năm<br>VND | Số đã thực nộp<br>trong năm<br>VND | 31/12/2016        |
|-----------------------------------|-------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------|
|                                   | VND               | VND                             | VND                                | VND               |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b> |                   |                                 |                                    |                   |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp  | 35.404.745        | 74.478.750                      | 71.800.745                         | 38.082.750        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp      | 6.375.551         | 16.809.124                      | 6.375.551                          | 16.809.124        |
| - Thuế thu nhập cá nhân           | -                 | 23.358.170                      | -                                  | 23.358.170        |
| - Thuế tài nguyên                 | 5.215.149         | 14.415.750                      | 14.665.149                         | 4.965.750         |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất     | -                 | 84.898.000                      | 84.898.000                         | -                 |
| - Các loại thuế khác              | -                 | 3.000.000                       | 3.000.000                          | -                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b>46.995.445</b> | <b>216.959.794</b>              | <b>180.739.445</b>                 | <b>83.215.794</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO**

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

|                                     | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-------------------------------------|------------|------------|
|                                     | VND        | VND        |
| Ngắn hạn                            | -          | 8.770.000  |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác  | -          | 8.770.000  |
| + Phải trả các tổ đội, phòng tư vấn | -          | 8.770.000  |
| Cộng                                | -          | 8.770.000  |

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| Khoản mục                               | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng       |
|-----------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|
|                                         | VND                          | VND                                     | VND             |
| 01/01/2015                              | 222.851.501.820              | 196.162.891                             | 223.047.664.711 |
| - Tăng vốn trong năm trước              | 21.512.536.000               |                                         | 21.512.536.000  |
| - Lãi trong năm                         | -                            | 85.293.499                              | 85.293.499      |
| - Phân phối quỹ khen thưởng<br>phúc lợi | -                            | (209.559.662)                           | (209.559.662)   |
| - Tăng khác                             | -                            | 13.396.771                              | 13.396.771      |
| 31/12/2015                              | 244.364.037.820              | 85.293.499                              | 244.449.331.319 |
| 01/01/2016                              | 244.364.037.820              | 85.293.499                              | 244.449.331.319 |
| - Tăng vốn trong năm nay                | 9.020.494.000                | -                                       | 9.020.494.000   |
| - Lãi trong năm                         | -                            | 66.871.382                              | 66.871.382      |
| - Phân phối quỹ khen thưởng<br>phúc lợi | -                            | (85.293.499)                            | (85.293.499)    |
| 31/12/2016                              | 253.384.531.820              | 66.871.382                              | 253.451.403.202 |

**14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                          | Năm 2016       | Năm 2015       |
|--------------------------|----------------|----------------|
|                          | VND            | VND            |
| Doanh thu                | 33.011.840.000 | 35.740.378.900 |
| - Doanh thu Thủy lợi phí | 31.570.265.000 | 34.476.364.000 |
| - Doanh thu bán nước thô | 1.441.575.000  | 1.264.014.900  |
| Cộng                     | 33.011.840.000 | 35.740.378.900 |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                                            | Năm 2016<br>VND       | Năm 2015<br>VND       |
|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Giá vốn bán nước thô và cấp Thủy lợi phí | 29.350.877.804        | 32.948.298.106        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>29.350.877.804</b> | <b>32.948.298.106</b> |

## 16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                              | Năm 2016<br>VND   | Năm 2015<br>VND   |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 55.875.751        | 95.291.049        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>55.875.751</b> | <b>95.291.049</b> |

## 17. THU NHẬP KHÁC

|                                                | Năm 2016<br>VND   | Năm 2015<br>VND   |
|------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Thu nhập từ cho thuê đất đặt trạm viễn thông | 24.000.000        | 24.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>24.000.000</b> | <b>24.000.000</b> |

## 18. CHI PHÍ KHÁC

|                                               | Năm 2016<br>VND   | Năm 2015<br>VND  |
|-----------------------------------------------|-------------------|------------------|
| - Chi phí nhân công trông coi trạm viễn thông | 9.815.200         | 9.512.800        |
| - Phạt chậm nộp bảo hiểm                      | 365.114           | -                |
|                                               | <b>10.180.314</b> | <b>9.512.800</b> |

## 19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

|                                    | Năm 2016<br>VND   | Năm 2015<br>VND   |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 83.680.506        | 109.350.639       |
| Các khoản chi phí không được trừ   | 365.114           | -                 |
| - Tiền phạt hành chính thuế, BHXH  | 365.114           | -                 |
| Tổng thu nhập chịu thuế trong năm  | 84.045.620        | 109.350.639       |
| Thuế suất                          | 20%               | 22%               |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b> | <b>16.809.124</b> | <b>24.057.140</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

|                                      | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                      | VND                  | VND                  |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                      |                      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 4.648.630.047        | 3.971.962.000        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 523.696.750          | 674.652.562          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>5.172.326.797</b> | <b>4.646.614.562</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>         |                      |                      |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | -                    | 8.770.000            |
| <b>Cộng</b>                          | <b>-</b>             | <b>8.770.000</b>     |
| <b>Trạng thái ròng</b>               | <b>5.172.326.797</b> | <b>4.637.844.562</b> |

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro tỷ giá**

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Rủi ro về giá***

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

| Công nợ tài chính                   | Dưới 1 năm<br>VND | Từ 1-5 năm<br>VND | Tổng<br>VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 31/12/2016                          |                   |                   |             |
| Cộng                                | -                 | -                 | -           |
| 01/01/2016                          |                   |                   |             |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 8.770.000         | -                 | 8.770.000   |
| Cộng                                | 8.770.000         | -                 | 8.770.000   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

| Tài sản tài chính                    | Dưới 1 năm<br>VND    | Từ 1-5 năm<br>VND | Tổng<br>VND          |
|--------------------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| <b>31/12/2016</b>                    |                      |                   |                      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 4.648.630.047        | -                 | 4.648.630.047        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 523.696.750          | -                 | 523.696.750          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>5.172.326.797</b> | <b>-</b>          | <b>5.172.326.797</b> |
| <b>01/01/2016</b>                    |                      |                   |                      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 3.971.962.000        | -                 | 3.971.962.000        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 674.652.562          | -                 | 674.652.562          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>4.646.614.562</b> | <b>-</b>          | <b>4.646.614.562</b> |

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**21. THÔNG TIN SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Vũ Thanh Sơn  
Chủ tịch kiêm Giám đốc  
Vĩnh Bảo, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Vũ Văn Lượng  
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng  
Người lập biểu